

CÁC FILE ĐÍNH KÈM

1. Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, thuộc chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.
2. Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.
3. Chương VII. Điều kiện cụ thể
4. Mẫu 15D: Cam kết không vi phạm sở hữu trí tuệ - Nhà thầu scan và đính kèm khi nộp E-HSDT.
5. Mẫu 15E: Cam kết về biên bản thí nghiệm, ISO, Catalogue của nhà sản xuất nước ngoài (nếu được công nhận trúng thầu).
6. Mẫu số 21. Bảo lãnh bảo hành.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT: Như trên Webform yêu cầu

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Như trên Webform yêu cầu

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt

Việc đánh giá được áp dụng cho từng hạng mục hàng hóa của gói thầu.

Các tiêu chuẩn đánh giá tổng quát bao gồm:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4
1.	Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	- Nhà thầu đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất theo quy định tại mẫu số 10B chương IV (*). - Hàng hóa chào thầu đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II - Yêu cầu thông số kỹ thuật, có tài liệu chứng minh tính đáp ứng.	- Không đề xuất cụ thể một trong các thông tin: ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất tại mẫu số 10B chương IV (tiêu chí này không được làm rõ). - Không chào Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V, Mục B.II - Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc; - Một trong các thông số kỹ thuật không đáp ứng theo yêu cầu tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II – Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc; - Một số thông số kỹ thuật chào thiếu sau khi đã được làm rõ bổ sung nhưng nhà thầu không bổ sung hoặc sau khi làm rõ nhưng không đáp ứng, hoặc; - Không có tài liệu chứng minh tính đáp ứng sau khi đã được yêu cầu làm rõ.
2	Về tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá:		

2.1	Biên bản thử nghiệm:	Có biên bản thử nghiệm đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.3.2 - Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB cho hàng hóa có cùng chủng loại, nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục B.I.3.3 - Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa và có đầy đủ các hạng mục thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.	- Biên bản thử nghiệm không đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.3.2 - Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ, hoặc; - Không có biên bản thử nghiệm được nêu tại Chương V, mục B.I.3.3 - Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa hoặc có nhưng có hạng mục thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II - Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.
2.2	Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng <i>(Chỉ chấp nhận các văn bản xác nhận trong vòng 36 tháng tính đến tháng đăng thông báo mời thầu)</i>	Có ít nhất 02 giấy xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá có cùng chủng loại, nhà sản xuất, nước sản xuất với hàng hoá chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục B.I.3.3 - Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa đã vận hành ổn định, đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 24 tháng trên lưới điện Việt Nam. Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 10 của NĐ 214/2025/NĐ-CP thì nhà thầu phải cung cấp ít nhất 02 giấy xác nhận của các	Có ít hơn 02 giấy xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau đáp ứng theo yêu cầu sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ. Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 10 của NĐ 214/2025/NĐ-CP nhưng nhà thầu cung cấp ít hơn 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá

		đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá do bên chuyển giao công nghệ sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu 24 tháng sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.	do bên chuyển giao công nghệ sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu 24 tháng sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.
3	Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về các điều kiện thương mại và quyền sở hữu trí tuệ		
3.1	Các điều kiện thương mại	Không có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.	Có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.
3.2	Quyền sở hữu trí tuệ (theo Mẫu số 15D tại Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và Dự thầu/File scan)	Nhà thầu có Bản cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa chào thầu (theo Mẫu số 15D)	Không có cam kết, hoặc không bổ sung cam kết sau khi được yêu cầu bổ sung, làm rõ.
4	Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành	Toàn bộ hàng hóa của gói thầu được bảo hành thời gian ≥ 18 tháng kể từ ngày hoàn tất thủ tục giao hàng.	Không chào thời gian bảo hành hoặc chào thời gian bảo hành < 18 tháng kể từ ngày hoàn tất thủ tục giao hàng
5	Về tiến độ thực hiện gói thầu (thời gian giao hàng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực): Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Nhỏ hơn hoặc bằng tiến độ giao hàng yêu cầu chi tiết tại chương V - Yêu cầu kỹ thuật	Không chào tiến độ giao hàng hoặc tiến độ giao hàng lớn hơn yêu cầu chi tiết tại chương V - Yêu cầu kỹ thuật
6	Kết quả thực hiện Hợp đồng, chất lượng hàng hóa		
6.1	Kết quả thực hiện hợp đồng	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có <	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có ≥ 03 hợp

		03 hợp đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiền do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (**) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiền do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
6.2	Chất lượng hàng hoá	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, không có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (**) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
7	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hoá chào thầu	+ Nhà thầu chào một (01) ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hoá (một cái, một chiếc...) trong mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp. + Nhà thầu chào xuất xứ hàng hoá đúng theo yêu cầu tại CDNT 15.6 của HSMT trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.	+ Sau khi làm rõ, nhà thầu vẫn chào nhiều hơn 01 xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hoá (một cái, một chiếc...) của mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp. + Nhà thầu chào nhiều hơn 01 (một) ký mã hiệu, nhãn hiệu cho một đơn vị tính của hàng hoá chào thầu hoặc chào nhiều hơn 01 (một) hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hoá chào thầu. + Nhà thầu không chào xuất xứ hàng hoá đúng theo yêu cầu tại CDNT 15.6 của HSMT trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ.

Ghi chú:

- Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm chứng Biên bản thử nghiệm; tài liệu của nhà sản xuất công bố (catalogue,...); xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng được nhà thầu đính kèm trong E-HSDT, Hồ sơ làm rõ (nếu có). Kết quả kiểm chứng là cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với các yêu cầu của E-HSMT.

- Đối với Biên bản thử nghiệm của VTTB: phải đầy đủ hạng mục và đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT.

- (**) Các đơn vị thành viên EVNCPC: là các đơn vị thành viên của EVNCPC trong khoảng thời gian đánh giá chất lượng hàng hoá, kết quả thực hiện hợp đồng.

Kiểm tra và thử nghiệm:

+ Trong quá trình xét thầu chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bổ sung tài liệu kỹ thuật một số hạng mục (nếu có) để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa chào thầu theo thông số đã chào thầu.

+ Các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo quy định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.

Hướng dẫn bổ sung chi tiết mục E-CDNT 13.5

1. Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau:

- Đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% được áp dụng miễn giảm thuế theo quy định của Nghị định 174/2025/NĐ-CP, trong bảng giá, nhà thầu phải chào thầu theo quy định như sau:

+ *Do chưa xác định rõ ràng được mức thuế suất thuế giá trị gia tăng cụ thể trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư tạm xác định mức thuế suất GTGT là 10%, nhà thầu được yêu cầu tính toán giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT và chào thầu với mức thuế suất GTGT 10%. Chủ đầu tư sẽ tính toán đơn giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT tương ứng với mức thuế suất 10% để làm cơ sở đánh giá thầu.*

+ *Trên cơ sở giá trị hàng hóa trước thuế đã xác định nêu trên, khi hai bên ký kết hợp đồng chính thức, giá trị hợp đồng được ký kết với mức thuế GTGT mặc định là 8% theo quy định của Nghị định 174/2025/NĐ-CP (trừ các hàng hóa, dịch vụ mà nhà thầu cung cấp văn bản, tài liệu của cơ quan quản lý thuế hoặc tương đương xác nhận thuế GTGT là 10%). Giá trị thanh toán dựa trên cơ sở hóa đơn GTGT do nhà thầu phát hành tại thời điểm nghiệm thu. Trường hợp tại thời điểm phát hành hóa đơn nếu thuế GTGT là 10% lớn hơn mức 8% theo hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải cung cấp văn bản, tài liệu của cơ quan quản lý thuế hoặc tương đương xác nhận thuế GTGT là 10% để làm cơ sở ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung trước khi xuất hóa đơn GTGT.*

- Giá chào thầu là giá giao hàng hóa tại kho của Chủ đầu tư (tại địa điểm như quy định ở Chương IV Phạm vi cung cấp, địa điểm giao hàng), đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 12.1A của Chương IV– Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

- Nhà thầu phải phân tích chi tiết, cụ thể các nội dung cấu thành giá chào thầu bao gồm: giá hàng hóa xuất xưởng; chi phí vận chuyển và bảo hiểm; chi phí thực hiện dịch vụ và các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định trong biểu giá chào thầu của mình (nếu có).

- Nhà thầu phải chịu mọi thứ thuế và lệ phí (nếu có) cho đến khi giao hàng hoá và thực hiện dịch vụ cho Bên mua theo Điều kiện của Hợp đồng.

- Nhà thầu bắt buộc phải chào đầy đủ danh mục, số lượng theo yêu cầu của gói thầu được nêu tại Chương IV Phạm vi cung cấp.

- Việc trao hợp đồng được thực hiện cho cả gói thầu.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

A. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu:

I. Tóm tắt về dự án:

- Tên dự án: Cấp điện KCN Điện Nam - Điện Ngọc giai đoạn 93 (Cấp điện Công ty Giày Rieker Việt Nam).
- Thời gian thực hiện của dự án: Năm 2025.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Đà Nẵng.

II. Tên và nội dung chủ yếu của gói thầu:

Danh mục hàng hóa: Nhà thầu chịu trách nhiệm cung ứng đầy đủ hàng hóa với số lượng như bảng dưới đây

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tủ điện trọn bộ 4000A	Tủ	1	

Ghi chú: Nhà thầu chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (nếu có)

III. Địa điểm giao hàng:

1. Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho Công ty Điện lực Đà Nẵng, tại Nhà máy Cầu Đỏ, KCN Hòa Cầm, TP Đà Nẵng.

2. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

B. Các yêu cầu về kỹ thuật:

Hàng hóa yêu cầu của hồ sơ mời thầu phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật sau:

I. Yêu cầu chung:

1. Điều kiện môi trường làm việc của thiết bị

Nhiệt độ môi trường lớn nhất	45 ⁰ C
Nhiệt độ môi trường nhỏ nhất	0 ⁰ C
Khí hậu	Nhiệt đới, nóng ẩm
Độ ẩm lớn nhất	100%
Độ cao lắp đặt thiết bị so với mực nước biển	Đến 1.000 m

2. Điều kiện vận hành của hệ thống điện

Điện áp danh định của hệ thống (kV)	0,38
Sơ đồ	3 pha
Chế độ nối đất trung tính	Trung tính nối đất trực tiếp
Điện áp làm việc lớn nhất của thiết bị (kV)	≥ 0,4

Tần số (Hz)	50
-------------	----

3. Yêu cầu kỹ thuật chung

3.1. Đối với vật tư thiết bị

* Điều kiện về quản lý chất lượng của nhà sản xuất

Nhà sản xuất phải có chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng (ISO-9001 hoặc tương đương) được áp dụng vào ngành nghề sản xuất thiết bị. Nhà sản xuất phải có phòng thử nghiệm xuất xưởng với các trang thiết bị phục vụ thử nghiệm được kiểm chuẩn bởi cơ quan quản lý chất lượng.

* Yêu cầu về bản vẽ và tài liệu kỹ thuật thiết bị:

Thiết bị phải được cung cấp bản vẽ và tài liệu kỹ thuật sau:

- Bản vẽ tổng thể cấu trúc thiết bị bao gồm kích thước và khối lượng.
- Tài liệu hướng dẫn lắp đặt, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị.
- Các biên bản thử nghiệm và giấy chứng nhận quản lý chất lượng ISO.

* Yêu cầu khác:

- Thiết bị cung cấp phải mới nguyên 100%, không có khiếm khuyết, có chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa rõ ràng, hợp pháp và có chứng nhận chất lượng hàng hóa, kèm theo các tài liệu liên quan để chứng minh hàng hoá được cung cấp phù hợp với yêu cầu của thiết kế và quy định trong hợp đồng đã ký kết.
- Thiết bị phải đáp ứng được độ bền đối với các điều kiện về khí hậu và môi trường tại Việt Nam: được nhiệt đới hóa, phù hợp với điều kiện môi trường lắp đặt vận hành.
- Có bảng mô tả đặc tính kỹ thuật các hàng hóa chào thầu.

3.2. Yêu cầu về biên bản thử nghiệm hàng hóa

- Biên bản thử nghiệm hàng hóa phải được thực hiện và chứng nhận bởi phòng thử nghiệm độc lập (đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025).
- Biên bản thử nghiệm cho hàng hóa có cùng chủng loại, nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu được yêu cầu tại Bảng danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa thuộc chương V, có đầy đủ các hạng mục thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II -Yêu cầu kỹ thuật chi tiết của E-HSMT.
- Biên bản thử nghiệm xuất xưởng: Nhà thầu cung cấp tại thời điểm giao hàng.

3.3. Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa: (Theo mục 3 chương III Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật E-HSDT)

STT	Danh mục hàng hóa	Biên bản thử nghiệm	Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng (End user)	Catalogue/Tài liệu kỹ thuật
1	Tủ điện hạ áp	X	X	X

Ghi chú:

- Dấu "X" là các tài liệu bắt buộc hồ sơ dự thầu phải cung cấp;
- Đối với các VTTB khác thuộc phạm vi gói thầu (không được liệt kê ở bảng trên):
Để đánh giá đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa chào thầu, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu bổ sung các tài liệu kỹ thuật liên quan trong trường hợp cần thiết.

II. Yêu cầu kỹ thuật:

II.1. Máy cắt điện hạ áp cách điện không khí – ACB

*** Yêu cầu chung:**

1. Yêu cầu kỹ thuật này áp dụng cho máy cắt hạ áp cách điện không khí (ACB) loại 3 pha, 3 cực hoặc 04 cực, dùng để bảo vệ mạch điện chống quá tải và ngắn mạch phía hạ áp của MBA công suất > 1.000 kVA.

2. Thiết bị được chế tạo, thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC 60947-1, IEC 60947-2 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

3. Các yêu cầu về thử nghiệm:

a. Thử nghiệm xuất xưởng (Routine test):

Thử nghiệm xuất xưởng được thực hiện bởi Nhà sản xuất trên mỗi sản phẩm sản xuất ra tại Nhà sản xuất. Việc thử nghiệm xuất xưởng được thực hiện theo tiêu chuẩn IEC 60947-2 hoặc tiêu chuẩn tương đương, bao gồm những hạng mục thử nghiệm sau đây:

- Thử nghiệm thao tác cơ khí (Mechanical operation).
- Kiểm tra hiệu chuẩn bộ ngắt (Verification of the calibration of overcurrent releases).
- Thử nghiệm đặc tính điện môi (Dielectric test).

b. Thử nghiệm điển hình (Type test):

Thử nghiệm điển hình phải được thực hiện và chứng nhận bởi phòng thử nghiệm độc lập (đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025) trên mẫu sản phẩm tương tự. Việc thử nghiệm điển hình được thực hiện theo tiêu chuẩn IEC 60947-2 hoặc tiêu chuẩn tương đương, theo các trình tự thử nghiệm (hoặc kiểm tra) tương ứng bao gồm những hạng mục thử nghiệm sau đây:

- Trình tự thử nghiệm – Các đặc tính hiệu năng chung (General performance characteristics):
 - + Giới hạn và đặc tính cắt (Tripping limits and characteristics).
 - + Đặc tính điện môi (Dielectric properties).
 - + Thao tác cơ khí và khả năng thực hiện thao tác (Mechanical operation and operational performance capability).
 - + Kiểm tra chịu điện môi (Verification of dielectric withstand).
 - + Kiểm tra độ tăng nhiệt (Verification of temperature rise tests).
 - + Kiểm tra ngắt quá tải (Verification of overload releases).
- Trình tự thử nghiệm – Khả năng cắt ngắn mạch làm việc danh định (Rated service short-circuit breaking capacity):
 - + Khả năng cắt ngắn mạch làm việc danh định (Rated service short-circuit breaking capacity).
 - + Kiểm tra khả năng làm việc (Verification of operational performance capability).

- + Kiểm tra chịu điện môi (Verification of dielectric withstand).
- + Kiểm tra độ tăng nhiệt (Verification of temperature rise tests).
- + Kiểm tra nhả quá tải (Verification of overload releases).
- Trình tự thử nghiệm – Khả năng cắt ngắn mạch tới hạn danh định (Rated ultimate short - circuit breaking capacity):
- + Kiểm tra nhả quá tải (Verification of overload releases).
- + Khả năng cắt ngắn mạch lớn nhất danh định (Rated ultimate short-circuit breaking capacity).
- + Kiểm tra chịu điện môi (Verification of dielectric withstand).
- + Kiểm tra nhả quá tải (Verification of overload releases).

Ghi chú: Trình tự thử nghiệm ở Mục iii) trên là không áp dụng cho ACB có $I_{cs} = I_{cu}$

*** Bảng yêu cầu đặc tính kỹ thuật ACB**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu
1	Nhà sản xuất		Nêu cụ thể
2	Nước sản xuất		Nêu cụ thể
3	Mã hiệu		Nêu cụ thể
4	Tiêu chuẩn áp dụng		IEC 60947-1, IEC 60947-2 hoặc tiêu chuẩn tương đương
5	Chủng loại		- 03 pha, bảo vệ bằng bộ điều khiển điện tử. - Kiểu lắp đặt: Cố định (fixed type). - Kiểu đấu nối: Đấu nối phía sau.
6	Số cực		03 cực
7	Thao tác ACB		Có thể thao tác đóng/cắt bằng tay hoặc bằng động cơ. Việc đóng cắt phải được thực hiện đồng thời trên các cực
8	Khả năng điều chỉnh dòng làm việc định mức		ACB phải có nút chỉnh dòng làm việc định mức. Các mức điều chỉnh: $0,6 \div 1 \times I_n$.
9	Thời gian bảo vệ dòng quá tải		Điều chỉnh được
10	Điện áp làm việc định mức của thiết bị (U_e)	VAC	400
11	Điện áp cách điện định mức (U_i)	VAC	1.000
12	Mức chịu đựng điện áp xung định mức (U_{imp})	kVp	≥ 12
13	Tần số định mức	Hz	50
14	Dòng điện làm việc liên tục định mức (I_n):	A	4.000
15	Cấp phân loại chọn lọc		Cấp A (cắt nhanh)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu
16	Khả năng cắt dòng ngắn mạch tới hạn định mức (Icu) ở điện áp định mức	kA	
	ACB có In > 3.200A	“	≥ 100
17	Khả năng cắt dòng ngắn mạch làm việc định mức (Ics) ở điện áp định mức	kA	Ics = 100% Icu
18	Số lần thao tác không cần bảo trì (độ bền cơ/điện) tối thiểu	Lần	(không tải/có tải ở dòng định mức)
	ACB có In > 3.200A		5.000/1.500
19	Thời gian cắt tối đa	ms	≤ 35
20	Thời gian đóng tối đa	ms	≤ 80
21	Số lượng tiếp điểm phụ		Nêu cụ thể
22	Cấp bảo vệ vỏ ACB		Tối thiểu IP40
23	Các chức năng tùy chọn:		
	- Động cơ căng lò xo điện áp nguồn nuôi (24/48/110/220..VDC)		Có
	- Rơ le bảo vệ quá áp/ thấp áp		Có
	- Rơ le kỹ thuật số (thiết kế dạng Module). Có thể thay đổi đặc tính cắt của ACB bằng cách thay đổi Module mà không phải thay đổi cả ACB		Có
	- Màn hình tích hợp trên ACB để theo dõi các thông số: Dòng điện, điện áp các pha, tần số,...		Có
24	Phụ kiện đi kèm:		
24.1	Đầu cực đấu dây loại bản đồng bao gồm các bu lông		Bao gồm
24.2	Cần thao tác căng lò xo bằng tay		Bao gồm
25	Bề rộng của ACB	mm	Nêu cụ thể
26	Nhãn thiết bị		Theo tiêu chuẩn IEC 60947-2 hoặc tương đương
27	Đóng gói		ACB được đóng gói trong hộp carton để dễ dàng cho việc bảo quản trong kho cũng như vận chuyển
28	Yêu cầu về thử nghiệm		Theo yêu cầu tại Khoản II.1
29	Bản vẽ và tài liệu kỹ thuật		Theo yêu cầu tại Khoản I.3

II.2. Biến dòng điện:

a. Yêu cầu chung:

Biến dòng điện hạ áp được sử dụng để đo đếm trạm biến áp phân phối, 3 biến dòng điện sẽ được lắp trong tủ theo từng xuất tuyến vào.

Biến dòng điện phải phù hợp với việc lắp đặt trong nhà và ngoài trời, độ chính xác cấp 0,5 theo tiêu chuẩn IEC 60044-1.

b. Thông số thiết kế:

- Điện áp làm việc định mức: 400 V
- Điện áp xung chịu đựng định mức: 6 kV_{peak} (1.2/50 μ s)
- Điện áp chịu đựng định mức ở tần số nguồn: 3 kV (rms) 1 min 50 Hz
- Cấp chính xác: cấp 0,5
- Dòng sơ cấp định mức: 4000A.
- Dòng thứ cấp định mức: 5A
- Công suất định mức: 5VA (đáp ứng đủ cho việc đo đếm điện năng tác dụng bằng công tơ).

Mỗi biến dòng điện phải có biển tên ghi rõ thông số định mức và đánh dấu từng cuộn dây.

II.3. Công tơ đo đếm điện năng:

Tủ điện phải bố trí thanh ray để lắp công tơ điện tử 3 pha 4 dây và đấu nối sẵn dây dẫn dòng và áp đến công tơ.

Phần công tơ đo đếm điện năng do Đơn vị quản lý vận hành cung cấp và lắp đặt.

II.4. Thanh cái và đấu nối:

*** Thanh cái:**

Thanh cái (3P+N) được làm bằng đồng với dòng danh định là 3630A và tương ứng dòng ngắn mạch chịu đựng phải tối thiểu là 100kA, bọc cách điện màu.

Mặt cắt ngang của thanh cái phải đảm bảo kích thước hợp lý để tránh các trường hợp:

- Phát nhiệt quá mức cho phép tại các vị trí có dòng đi qua
- Bị cong vênh tại những điểm có dòng ngắn mạch đi qua Thanh cái tổng phải bao gồm:
- Đối với các pha (3 pha), sử dụng 3 thanh cái nằm ngang và phụ kiện để nối đầu ra của ACB lộ tổng với cáp xuất tuyến đầu ra hạ áp.

• Với trung tính, đặt một thanh cái nằm ngang dưới ACB. Thanh cái trung tính sẽ có đầu nối ở cuối để đấu nối với trung tính của cáp đồng lộ tổng vào và trung tính của cáp xuất tuyến ra hạ áp.

- Mỗi thanh cái đều được đánh dấu, ghi rõ: Trung tính N; Pha 1,2,3 và màu sơn phân biệt.
- Thanh cái bằng vật liệu đồng cứng, được gắn cố định vào tủ thông qua cách điện.
- Thanh cái phải được bố trí và bảo vệ để người vận hành không thể chạm tới trong điều kiện vận hành. Loại bảo vệ tối thiểu là IP 2X.

*** Đấu nối:**

Việc kéo rải cáp và đấu nối cáp phải được thực hiện dễ dàng nhất tùy theo số lượng và mặt cắt của cáp đấu nối.

Trong khi lắp đặt, cáp lộ vào và lộ ra phải được tách riêng, nhà sản xuất phải có biện pháp bố trí phù hợp.

*** Xuất tuyến vào:**

Thanh cái lộ vào phải được bố trí phù hợp để đấu nối dây dẫn lộ vào (8 sợi cáp đồng bọc hạ thế $240\text{mm}^2/01$ pha cho 03 pha).

*** Xuất tuyến ra và trung tính:**

Thanh cái lộ ra và thanh cái trung tính phải được bố trí phù hợp để đấu nối dây dẫn lộ ra và dây trung tính (4 sợi cáp đồng bọc hạ thế tiết diện 240mm^2 cho trung tính).

II.5. Vỏ tủ:

Thiết kế chung:

Vỏ tủ phải được sản xuất theo tiêu chuẩn IEC 60529.

Vỏ tủ điện phải đảm bảo lắp đặt ngoài trời, chống ăn mòn, chống rỉ sét, dày tối thiểu 2mm, được làm bằng thép mạ kẽm nhúng nóng cả mặt trong và mặt ngoài.

Phù hợp để lắp ACB, biến dòng điện, công tơ đo đếm điện năng và các thiết bị khác, phù hợp với quy định an toàn quốc tế và vận hành liên tục.

Vỏ tủ phải có kích thước phù hợp để bố trí thiết bị, gồm 2 gian riêng biệt: một gian bảo vệ (ACB), gian còn lại để bố trí công tơ, biến dòng. Mỗi gian phải có cửa và khóa riêng.

Kích thước của vỏ tủ: Theo bản vẽ kèm theo.

Lưu ý: Trường hợp cần thiết để bố trí vật tư, thiết bị bên trong tủ, có thể điều chỉnh mở rộng kích thước so với bản vẽ.

Bố trí:

Tủ được bố trí đặt trên bệ, phù hợp với cấu trúc của trạm biến áp 2.500kVA-22/0,4kV. Tủ điện phải bao gồm đầy đủ các vật tư cần thiết để lắp đặt. Việc bố trí thiết bị phải đảm bảo khoảng cách pha - pha và pha - đất theo quy phạm trang bị điện hiện hành.

Cửa tủ:

Cửa tủ phải có bản lề để tránh bị gãy, có cửa sổ trong suốt chống tia cực tím và không bể vỡ, cho phép đọc thông số công tơ mà không cần mở cửa.

Cửa phải có khóa 2 lớp, đảm bảo an toàn: khóa tam giác làm bằng đồng thau và khóa hình trụ.

Nhà cung cấp phải cấp khóa tam giác và khóa trụ với số lượng phù hợp.

Đường cáp vào:

Cáp vào tủ được bố trí ở phía dưới tủ, có nút cao su che kín để chống côn trùng xâm nhập, thiết kế chống được ảnh hưởng của dòng điện xoáy.

Bảo vệ và nối đất:

Hộp chứa công tơ phải được thiết kế chống phá hoại và trộm cắp. Kết cấu phải đảm bảo chịu được lực của người hoặc dụng cụ như búa (tương đương 20 Joules).

Tủ phải thiết kế để thông gió tự nhiên để tránh quá nhiệt bên trong tủ.

Mức bảo vệ phải là IP 42 theo tiêu chuẩn IEC 60529, thiết kế thông gió và đường cáp phải không ảnh hưởng đến mức bảo vệ.

Thiết kế của tủ với các thiết bị được lắp phải đáp ứng dòng ngắn mạch giữa phần làm việc và phần kim loại (nếu có) trong khi lắp đặt và tháo dỡ.

Nối đất trung tính phải được thực hiện bằng một đầu cực bổ sung với hàng kẹp trung tính lộ vào (dây dẫn nối đất có kích thước nhỏ nhất là 35 mm²).

Thiết bị điện:

Tủ điện phải có biển tên trong làm bằng nhựa, ghi rõ tên các thiết bị điện như công tơ điện năng, ampe kế, vôn kế.

Tủ phải đáp ứng các thiết bị như đã nêu ở các mục trên.

Biển tên và các thông số:

Biển tên, biển thông số và hướng dẫn phải rõ ràng, ghi bằng mực không xóa được bằng tiếng Anh và/hoặc tiếng Việt. Những từ chuyên dụng không có trong tiếng Anh hoặc tiếng Việt phải được chú thích bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

Biển ghi thông số phải làm bằng vật liệu chống ăn mòn phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60076 và hiển thị các thông số sau bằng mực không xóa được:

- Loại tủ (3 pha, dung lượng trạm)
- Tên nhà sản xuất
- Số sản xuất
- Năm sản xuất
- Trọng lượng tổng

Tất cả các thiết bị phải phù hợp với gam công suất của máy biến áp được lắp đặt.

Tiêu chuẩn chế tạo:

- IEC 60947: *Tủ máy cắt hạ thế và tủ điều khiển*
- IEC 60044-1: *Biến dòng*
- IEC 60211: *Chỉ số nhu cầu tối đa, cấp 1.0*
- IEC 60364-4-41: *Lắp đặt thiết bị điện trong nhà-Phần 4: Bảo vệ an toàn*
Chương 41: Bảo vệ khỏi bị điện giật
- IEC 60439-1: *Lắp ráp tủ máy cắt hạ thế và tủ điều khiển –Phần 1: thí nghiệm mẫu và thí nghiệm mẫu từng phần*
- IEC 60529: *Cấp bảo vệ của vỏ tủ điện (IP code)*
- IEC 60947-1/A1: *Tủ máy cắt hạ thế và tủ điều khiển-Phần 1: quy tắc chung*

- IEC 61238: 1. Độ nén và đầu nổi của cáp lực đồng hoặc nhôm

Nhà cung cấp có thể sử dụng các tiêu chuẩn tương đương, nhưng cần chứng minh tiêu chuẩn đây là tương đương về chất lượng như các tiêu chuẩn nêu trên.

Yêu cầu về thí nghiệm:

a. Yêu cầu về thí nghiệm xuất xưởng (Routine test):

Biên bản thí nghiệm xuất xưởng được thực hiện bởi nhà sản xuất trên mỗi sản phẩm sản xuất ra tại nhà sản xuất để chứng minh khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, bao gồm các hạng mục:

1. Thí nghiệm cấp độ bảo vệ cho các ngăn của tủ hợp bộ
2. Kiểm tra kích thước vỏ tủ

b. Yêu cầu về thí nghiệm điển hình (Type test):

Biên bản thí nghiệm điển hình được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập trên các sản phẩm tương ứng và tối thiểu phải có hạng mục:

1. Thí nghiệm cách điện của tủ điện
2. Thử độ bền điện áp tần số công nghiệp
3. Thử điện áp xung duy trì 1,2/50 μ s
4. Thí nghiệm cấp độ bảo vệ của tủ điện

STT	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu	Ghi chú
I	Tủ điện hạ áp 3 pha 4000A			
1	Nhà sản xuất		Nêu cụ thể	
2	Nước sản xuất		Nêu cụ thể	
3	Mã hiệu		Nêu cụ thể	
4	Tiêu chuẩn áp dụng		Nêu cụ thể	
5	Điện áp định mức	V	400	
6	Điện áp chịu đựng xung sét từ pha đến đất (1,2/50 μ s)	kVpeak	6	
7	Điện áp chịu đựng định mức ở tần số 50Hz giữa pha và khung	kVrms	3	
8	Thanh cái	3P+N	Đồng, được gắn cố định vào vỏ tủ thông qua cách điện	
	- Tiết diện	mm ²	100x10/01 thanh (02 thanh)	
	- Dòng định mức của thanh cái đồng	A	3630	
	- Dòng chịu đựng ngắn mạch định mức	kA	≥ 100	
9	Tiêu chuẩn bảo vệ		IP42	

STT	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu	Ghi chú
10	Phụ kiện – Thiết bị kèm theo		Như bản vẽ chi tiết kèm theo	
11	Khối lượng	kg	Nêu cụ thể	
12	Tuổi thọ thiết bị dự kiến		Nêu cụ thể	
13	Tài liệu hướng dẫn vận hành		Có	

Ghi chú:

+ Đối với các yêu cầu bắt buộc phải nêu rõ thông số, giải pháp,... trong bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của VTTB thì trong E-HSDT Nhà thầu phải nêu cụ thể, đầy đủ thông số, mô tả giải pháp... Không được ghi “đáp ứng/đảm bảo/tuân thủ E-HSMT,…”

3. Kiểm tra và thử nghiệm:

+ Trong quá trình xét thầu bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp bổ sung tài liệu kỹ thuật một số hạng mục (nếu có) để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa chào thầu theo thông số đã chào thầu.

+ Các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo quy định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung. - Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Phùng, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam. - Mã số thuế: 0400101394-039 - Tài khoản: 116 000 00 88 66 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng - Điện thoại: 0236.3221201.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:___ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>.
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: TP Đà Nẵng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: - Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có); - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Điều kiện chung của hợp đồng; - E-HSDT và các Văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); - E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có); - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Phòng Kế hoạch & Vật tư, Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung. - Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Phùng, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng. - Điện thoại: 0236.3221201. - Fax: 0236.2220521.
E-ĐKC 5.2	- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 % giá hợp đồng. <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng này đối với mọi trường hợp.</i> - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến 28 ngày sau khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hoàn tất thủ tục giao hàng, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Nếu Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Nhà thầu phải tự thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trường hợp hàng hóa và dịch vụ được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định như trên <i>Trường hợp Nhà thầu là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị 03% giá hợp đồng cho Chủ đầu tư và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</i> - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Ngoài các trường hợp không được trả Bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu tại CDNT, Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán tạm ứng (nếu có) cho hợp đồng này sai mục đích. <i>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.</i>
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư hoàn trả cho Nhà thầu không chậm hơn

	28 ngày sau khi hoàn tất thủ tục giao hàng theo quy định tại Điều 9 của hợp đồng, đồng thời Chủ đầu tư nhận được bảo đảm bảo hành theo quy định tại Điều 23.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>Theo danh sách nêu trong E-HSDT (nếu có).</i>
E-ĐKC 7.2	- Thời gian để tiến hành thương lượng: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: nếu sau 30 ngày hai bên không đạt được thỏa thuận giải quyết thông qua thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại TP Đà Nẵng theo quy định của pháp luật. - Thay đổi thủ tục xử lý tranh chấp: Mọi thay đổi về xét xử tranh chấp phải được hai bên thống nhất bằng văn bản trước khi tiến hành xử lý tranh chấp. - Nhà thầu có thời hạn 56 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của Chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.
E-ĐKC 9	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: - Bảng kế hoạch chi tiết tổ chức sản xuất, mua sắm và cung cấp vật tư thiết bị phù hợp với tiến độ thực hiện của hợp đồng: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. - Thông báo giao hàng: Trước 07 ngày kể từ ngày hàng về đến kho Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư các thông tin về hàng hóa, phương tiện vận chuyển và thời gian hàng đến kho để Chủ đầu tư chủ động thu xếp kho bãi và nhân lực tiếp nhận và kiểm tra hàng hóa. - Chứng từ giao hàng: Khi giao hàng, Nhà thầu phải cung cấp cho đại diện tiếp nhận hàng hóa của Chủ đầu tư các chứng từ sau đây, đồng thời ký Biên bản giao nhận và kiểm tra hàng hóa (theo mẫu kèm theo) với đại diện Chủ đầu tư để làm cơ sở thanh toán hợp đồng: + 01 bản gốc và 03 bản sao có dấu sao y bản chính hóa đơn tài chính của Bên bán mô tả hàng hóa, số lượng, đơn giá và tổng giá trị của từng công trình (chi tiết tại các phụ lục kèm theo hợp đồng).

	+ 01 bản gốc (Original) hoặc bản copy (Copy) chứng nhận xuất xứ và 03 bản sao có dấu sao y bản chính (<i>đối với trường hợp hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài</i>). + 01 bản gốc và 03 bản sao có dấu sao y bản chính chứng nhận chất lượng của Nhà sản xuất. + Nếu Bên bán không phải là Nhà sản xuất (NSX) thì phải cung cấp bản gốc giấy xác nhận của NSX hoặc của Đại lý phân phối hàng hóa để xác minh là có cung cấp đầy đủ chủng loại, số lượng hàng hóa đúng theo hợp đồng cho Bên bán để thực hiện hợp đồng này hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác. + 01 bản gốc và 03 bản sao có dấu sao y bản chính chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Nhà cung cấp. + 01 bản gốc và 03 bản sao có dấu sao y bản chính biên bản thí nghiệm xuất xưởng hàng hóa của Nhà sản xuất. + Catalogue, tài liệu hướng dẫn sử dụng, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng (Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt). (nếu có) Chứng từ giao hàng phải được đi kèm theo hàng hoá khi đến kho của Chủ đầu tư (có thể giao trước 01 bộ sao), nếu không thì Chủ đầu tư có quyền không tiếp nhận hàng hoá. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh nếu Chủ đầu tư không nhận được các thông tin và tài liệu chứng từ nói trên trong thời gian quy định và khi hàng hóa được giao nhận. Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Trộn gói
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng. <i>Cụ thể như sau:</i> Giai đoạn ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh toán: Giá trị hợp đồng được ký kết với mức thuế GTGT mặc định là 8% theo quy định của Nghị

	định 174/2025/NĐ-CP (trừ các hàng hóa, dịch vụ, xây lắp mà nhà thầu cung cấp văn bản, tài liệu của cơ quan quản lý thuế hoặc tương đương xác nhận thuế GTGT là 10%). Giá trị thanh toán dựa trên cơ sở hóa đơn GTGT do nhà thầu phát hành tại thời điểm nghiệm thu. Trường hợp tại thời điểm phát hành hóa đơn nếu thuế GTGT là 10% lớn hơn mức 8% theo hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải cung cấp văn bản, tài liệu của cơ quan quản lý thuế hoặc tương đương xác nhận thuế GTGT là 10% để làm cơ sở ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung trước khi xuất hóa đơn GTGT.
E-ĐKC 13.1	Tạm ứng: Không áp dụng
E-ĐKC 14.2	Thanh toán : Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn tất thủ tục giao nhận hàng hóa theo Điều 9 E-ĐKC và chủ đầu tư nhận được thư bảo đảm bảo hành, chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu phần giá trị hợp đồng còn lại sau khi trừ đi khoản tiền đã tạm ứng cho bên B.(Nếu có) - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản theo tài khoản của nhà thầu nêu trong hợp đồng. - Chứng từ thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thực hiện thanh toán trong thời gian và theo phương thức quy định nêu trên khi Nhà thầu trình đầy đủ các chứng từ sau đây: + Giấy đề nghị thanh toán + Các chứng từ theo Điều 9 E-ĐKC. + Bảo lãnh bảo hành (tương ứng 5% giá trị sau thuế) theo điều 23.3 E-ĐKC
E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa cung cấp phù hợp theo tiêu chuẩn đóng kiện bao bì xuất nhập khẩu quốc tế để tránh mọi dạng hư hỏng trong khi vận chuyển. Việc đóng gói phải bền vững, không bị phá vỡ khi phơi ở nơi nhiệt độ cao, nước muối và mưa trong khi vận chuyển, bốc xếp và lưu kho bãi. Kích thước và trọng lượng của kiện hàng phải tính toán phù hợp cho việc bốc xếp, vận chuyển.
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu tự chịu mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa đến kho Chủ đầu tư hoặc chân công trình kể cả bảo hiểm (nếu Nhà thầu thấy cần thiết).
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Nhà thầu tự chịu mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa đến

	kho Chủ đầu tư (<i>Kho Công ty Điện lực Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung tại điều E-ĐKC 1.11</i>). Điều kiện giao hàng là giao hàng tại mặt bằng kho của Chủ đầu tư (mọi chi phí bốc xếp, cầu hàng hoá từ trên xe xuống nhà thầu chịu).
E-ĐKC 20.2	20.2 Các dịch vụ bao gồm: không Bổ sung điều 20.3 1- Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng: Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng. 2- Về phương pháp xác định giá trị phát sinh: a. Trường hợp công việc phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký: - Đối với hợp đồng đơn giá cố định: Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá của công việc tương ứng đã có trong hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng trước đó (nếu có). - Đối với hợp đồng trọn gói: Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng cung cấp thiết bị là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu; đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) và các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật xây dựng số 50/2014/QH13. Phương pháp điều chỉnh theo điểm b của mục này. - Đối với hợp đồng điều chỉnh giá, hợp đồng theo thời gian: + Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đồng thời làm thay đổi trên 0,25% giá trị hợp đồng và trên 1% đơn giá của công việc đó hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì xác định đơn giá mới theo nguyên tắc nêu tại điểm b của mục này. + Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới được lập theo điểm b mục này chỉ được áp dụng cho phần khối lượng thực tế thực hiện vượt quá 120% khối lượng ghi trong hợp đồng. + Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới được lập theo điểm b mục này được áp dụng cho toàn bộ khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu.”

	+ Trường hợp khối lượng thực tế thực hiện tăng hoặc giảm nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán. b. Trường hợp công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng: Trên cơ sở dự toán của công việc phát sinh được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá và giá trị phát sinh trước khi thực hiện trên nguyên tắc không vượt đơn giá và giá trị dự toán công việc phát sinh đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.
E-ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: - Chủ đầu tư (Bên mua) có quyền giám sát chất lượng thông qua các giai đoạn thử nghiệm xuất xưởng. - Trong vòng 03 ngày kể từ ngày hàng đến kho Chủ đầu tư, đại diện hai bên sẽ tiến hành kiểm tra số lượng, chủng loại, tình trạng hàng hoá và lập Biên bản kiểm tra giao nhận chi tiết. Biên bản kiểm tra giao nhận hàng tại kho này làm cơ sở để thanh toán hợp đồng cũng như để khiếu nại Nhà thầu nếu có thiệt hại hay hàng hoá không đúng yêu cầu. - Thử nghiệm kiểm tra: Vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền thuê một pháp nhân độc lập, đủ thẩm quyền để thí nghiệm kiểm tra xác suất mẫu các loại hàng hóa theo các thông số kỹ thuật mà Nhà thầu (Bên bán) đã mô tả trong E-HSĐT của mình. Căn cứ vào Biên bản thí nghiệm kiểm tra này, Chủ đầu tư sẽ đưa ra những quyết định công bằng và phù hợp với quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên như sau: + Trường hợp kết quả thử nghiệm kiểm tra cho thấy các thông số kỹ thuật của hàng hoá đạt hoặc tốt hơn các thông số kỹ thuật đã nêu trong E-HSĐT của Nhà thầu (Bên bán) thì Chủ đầu tư sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc thử nghiệm kiểm tra này. + Trường hợp kết quả thử nghiệm kiểm tra cho thấy thông số kỹ thuật của hàng hoá không đạt theo thông số kỹ thuật đã nêu trong E-HSĐT của Nhà thầu (Bên bán) thì Nhà thầu phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc thử nghiệm kiểm tra này như chi phí đi lại, ăn ở, chi phí thử nghiệm...và Chủ đầu tư sẽ từ chối nhận toàn bộ lô hàng không đạt theo hợp đồng.

	+ Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có... và tiến hành thanh lý hợp đồng. - Thủ tục giao nhận hàng hoá được xem là hoàn tất khi đã có đầy đủ kết quả kiểm tra giao nhận hàng chi tiết tại kho nêu trên và Chủ đầu tư đã nhận đủ các chứng từ giao hàng theo Điều 9.
E-ĐKC 21.2	Tại các đơn vị thí nghiệm độc lập (nếu có)
E-ĐKC 22	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không giao bất kỳ hoặc tất cả hàng hóa trong thời gian nêu trong Bảng giá, phạm vi cung cấp, thời gian và địa điểm giao hàng hoặc một thời hạn khác do Chủ đầu tư thống nhất, Chủ đầu tư sẽ trừ vào giá Hợp đồng, mà không làm ảnh hưởng đến việc sửa sai khác theo Hợp đồng, xem như phạt chậm trễ tiến độ giao hàng, với mức phạt là 1% giá trị hàng hoá giao trễ/tuần. - Nếu Nhà thầu không thực hiện các công việc liên quan đến phần dịch vụ kể từ ngày có thông báo của Chủ đầu tư hoặc thực hiện chậm các công việc liên quan đến phần dịch vụ so với quy định của hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ phạt chậm tiến độ thực hiện dịch vụ với mức phạt là 1% giá trị dịch vụ/tuần. - Mức phạt đối với vi phạm chậm trễ (gồm trễ giao hàng và trễ thực hiện dịch vụ) tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm (trước thuế). Khi đạt mức tối đa, chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. Riêng các sự kiện bao gồm nhưng không giới hạn: dịch bệnh, chiến tranh, bạo loạn, các lệnh trừng phạt, cấm vận... tại các khu vực địa lý, quốc gia đã được công bố tình trạng nêu trên thì không được coi là điều kiện bất khả kháng trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng. Nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm về bất kỳ sự kiện chậm tiến độ trong quá trình thực hiện hợp đồng mà không được tính đến các lý do của dịch bệnh, chiến tranh, bạo loạn, các lệnh trừng phạt, cấm vận... trừ các trường hợp tình trạng dịch bệnh, chiến tranh, bạo loạn, các lệnh trừng phạt, cấm vận... do Chính phủ Việt Nam công bố có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của Nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Ngoài các khoản phạt chậm tiến độ, Chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu bồi thường thiệt hại theo giá trị thiệt hại thực tế do việc vi phạm

	hợp đồng gây ra, bao gồm nhưng không giới hạn các vi phạm sau: chậm tiến độ giao hàng hóa; giao hàng hóa không đảm bảo chất lượng... Nhà thầu cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho Chủ đầu tư trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.
E-ĐKC 23.3	Thời hạn bảo hành là: 18 tháng kể từ ngày hoàn tất thủ tục giao hàng. - Phương thức bảo hành: + Khi kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa cũng như trong quá trình lắp đặt, sử dụng các chi tiết cung cấp trong hợp đồng, nếu có chi tiết nào không phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như chất lượng không đảm bảo thì Chủ đầu tư sẽ thông báo ngay cho Nhà thầu bằng văn bản các sai sót này. + Việc thực hiện các nghĩa vụ bảo hành nói trên của Nhà thầu chỉ đối với các hư hỏng được xác định là do chính bản thân chất lượng của các chi tiết gây nên. Trong quá trình bảo hành, nếu có hàng hóa bị hư hỏng, kém chất lượng thì thời gian bảo hành được tính lại từ ngày đưa chi tiết cung cấp thay thế vào sử dụng với thời hạn bảo hành như quy định nêu tại khoản này. - Bảo đảm bảo hành: + Trong vòng <i>15 ngày</i> sau khi đã hoàn tất thủ tục giao hàng theo Điều 9, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư một Bảo đảm bảo hành không hủy ngang, vô điều kiện nhằm đảm bảo trách nhiệm bảo hành hàng hóa của Nhà thầu. + Bảo đảm bảo hành phải làm đúng theo mẫu nêu trong hợp đồng và phải do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. + Bảo đảm bảo hành này phải có giá trị tương ứng 5% giá trị sau thuế của hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục giao hàng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành (18 tháng + 28 ngày). Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. + Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Chủ đầu tư chấp nhận.

	+ Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Nhà thầu theo thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này. + Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành. + Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Địa điểm để áp dụng bảo hành là: TP Đà Nẵng. - Yêu cầu khác: + Nhà thầu cam kết Nhà thầu và Nhà sản xuất các thiết bị chính trong Hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới các dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị, hệ thống. + Các VTTB sau khi được mua sắm, lắp đặt sẽ tiếp tục được đánh giá chất lượng theo qui định của EVN trong quá trình vận hành, bao gồm cả giai đoạn bảo hành và sau bảo hành.
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: không quá 10 ngày sau khi nhận được các thông báo nói trên của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải sửa chữa hoặc thay thế tất cả hàng hóa sai sót và mọi chi phí liên quan đều do Nhà thầu chịu. Nếu sau khi đã được thông báo, Nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian quy định, Chủ đầu tư có thể tiến hành các bước cần thiết để thu lại số tiền tương ứng với các hàng hóa bị sai sót này từ

	Bảo đảm bảo hành của Nhà thầu. Đồng thời Chủ đầu tư sẽ tìm nguồn khác để mua các hàng hóa này và toàn bộ chi phí chênh lệch do Nhà thầu chịu theo cách khấu trừ từ tiền bảo đảm bảo hành. Ngoài ra Chủ đầu tư có quyền xem xét không cho phép Nhà thầu tham gia các gói thầu do Chủ đầu tư tổ chức trong các đợt đấu thầu tiếp theo.
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu: 10% giá trị giảm giá hợp đồng.

Bổ sung mẫu cam kết:

Mẫu số 15D

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

THƯ CAM KẾT

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký cam kết]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Tên dự án: *[ghi tên dự án]*

Thư mời thầu số: *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Chủ đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ *[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]* (2

Chúng tôi cam kết:

1. Không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với toàn bộ sản phẩm, hàng hóa được chào thầu trong gói thầu này

2. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho Chủ đầu tư trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do Chúng tôi chào thầu và sẽ cung cấp (nếu được trúng thầu).

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

THƯ CAM KẾT

Về biên bản thí nghiệm, ISO, Catalogue của nhà sản xuất (nước ngoài)

Kính gửi: Công ty Điện lực Đà Nẵng

Địa chỉ: 35 Phan Đình Phùng, P. Hải Châu, TP Đà Nẵng

(được gọi chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ...(*Đơn vị tham gia dự thầu*)...(được gọi là Nhà thầu) sẽ tham dự đấu thầu cung cấp vật tư thiết bị và dịch vụ (nếu có) cho gói thầu ...(số và tên gói thầu)..... thuộc dự án :.....

Chúng tôi.....(*Tên nhà sản xuất*)..... được thành lập từ ngày, là nhà sản xuất chính thức các vật tư thiết bị mang nhãn hiệu....., có địa chỉ tại.....

Bằng văn bản này, chúng tôi cam kết:

1. Tất cả các tài liệu sau:

- BBTN số ... ngày ... được phát hành bởi đơn vị thí nghiệm

- BBTN số ... ngày ... được phát hành bởi đơn vị thí nghiệm

-

- Và các tài liệu kỹ thuật liên quan (ISO, Catalogue) **là bản sao chụp từ bản gốc và được cung cấp cho nhà thầu ... để tham gia dự thầu.**

2. Sẵn sàng làm việc với Chủ đầu tư để xác minh tài liệu nếu được đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư yêu cầu.

Đại diện hợp pháp của Nhà sản xuất

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH BẢO HÀNH

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Bên mua]*
[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Ngân hàng *[tên Ngân hàng]* có trụ sở tại *[địa chỉ của ngân hàng]*,

Do *[tên Bên bán]* (sau đây gọi là Bên bán) đã cam kết theo hợp đồng số *[số hiệu hợp đồng]* ngày *[ngày hợp đồng]* để cung cấp các loại hàng hóa *[mô tả hàng hóa và dịch vụ]* và do yêu cầu của *[tên Bên mua]* (sau đây gọi là Bên mua) trong hợp đồng là Bên bán phải nộp một Bảo đảm bảo hành với giá trị tương ứng 5% giá trị hợp đồng để đảm bảo trách nhiệm bảo hành hàng hoá theo hợp đồng đã ký,

Chúng tôi đồng ý cấp cho Bên bán giấy Bảo đảm bảo hành này và khẳng định chúng tôi thay mặt cho Bên bán chịu trách nhiệm và *cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mua với số tiền đảm bảo [loại tiền, số tiền viết bằng chữ và bằng số]*.

Khi nhận được bất kỳ văn bản yêu cầu nào của Bên mua thông báo rằng Bên bán có lỗi trong việc thực hiện các nghĩa vụ bảo hành của mình theo hợp đồng, mà không cần bất kỳ sự giải thích nào, chúng tôi cam đoan sẽ trả cho Bên mua trong phạm vi số tiền đảm bảo nêu trên.

Bảo đảm này có hiệu lực trong vòng *[số tháng (bằng chữ) tháng]* kể từ ngày Bên bán hoàn tất các thủ tục giao hàng theo hợp đồng. Mọi yêu cầu liên quan đến nội dung bảo đảm này của Bên mua phải được gửi đến cho Ngân hàng chúng tôi trong thời gian hiệu lực nói trên.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Chủ đầu tư có thể chấp nhận một mẫu Bảo lãnh bảo hành theo mẫu khác nhưng phải bảo đảm các nội dung sau đây:

- Tên của Ngân hàng bảo lãnh;
- Tên của Bên mua;
- Tên của Bên bán và tên gói thầu (hợp đồng) được bảo đảm;
- Số tiền bảo đảm và thời gian hiệu lực của bảo đảm theo quy định trong hợp đồng;
- Các điều kiện bị thu tiền bảo đảm.